

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2026/DS-ST

Ngày: 28 - 8 - 2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung

Ông Lê Đức Hiền

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai (Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thành phố Đ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 242/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn K, sinh năm 1981

Thẻ CCCD/CMND số xxxxxxxx0691, cấp ngày 31/3/2021

Địa chỉ: Tổ D, khu phố T, phường T, thành phố Đ

Có mặt

- Bị đơn: Ông Phạm Thanh S, sinh năm 1992

Thẻ CCCD/CMND số xxxxxxxx1258, cấp ngày 30/3/2021

Địa chỉ: Ấp X (nay là ấp X), xã T, thành phố Đ.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2026, các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Hồ Văn K trình bày:

Ngày 21/9/2023, ông Hồ Văn K có cho ông Phạm Thanh S vay số tiền là 50.000.000 đồng, việc vay tiền được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản (Ông K chuyển vào tài khoản số 7979796868 mở tại Ngân hàng A, chủ tài khoản Phạm Thanh S), thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng, tính từ ngày 21/9/2023, lãi suất 3% tháng.

Đến hạn, ông S không trả tiền cho ông K như đã thỏa thuận, ông K nhiều lần yêu cầu ông S trả nợ nhưng ông S không hoàn trả cho ông K bất kỳ một khoản tiền

nào.

Ông Hồ Văn K khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh S có nghĩa vụ hoàn trả cho ông K số tiền gốc 50.000.000 đồng còn thiếu lại và tiền lãi 21.580.000 đồng (Lãi được tính 1.67%/tháng, thời gian tính lãi tạm tính từ ngày 21/9/2023 đến ngày 22/11/2025).

Tại phiên tòa, ông Hồ Văn K yêu cầu ông Phạm Thanh S hoàn trả cho ông K số tiền gốc 50.000.000 đồng còn thiếu lại và tiền lãi 14.621.833 đồng (Lãi được tính 0.83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 21/9/2023 đến ngày 28/8/2026 là 35 tháng 7 ngày). Tổng số tiền gốc và lãi ông Hồ Văn K yêu cầu ông Phạm Thanh S hoàn trả cho ông K là 64.621.833 đồng. Ngoài ra, không còn có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn Phạm Thanh S vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn.

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) sửa đổi bổ sung năm 2025; các điều 463, 466, 469, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự (BLDS); Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn K,

Buộc ông Phạm Thanh S hoàn trả cho ông Hồ Văn K số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật: Ông Hồ Văn K khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh S hoàn trả tổng số tiền là 64.621.833 đồng (Trong đó có 50.000.000 đồng tiền gốc và 14.621.833 đồng tiền lãi). Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu của đương sự, xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là ông Phạm Thanh S cư trú tại ấp X, xã T, thành phố Đ, theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLDS sửa đổi bổ sung năm 2025 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

3. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Phạm Thanh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

4. Yêu cầu của đương sự:

[1] Ông Hồ Văn K yêu cầu ông Phạm Thanh S hoàn trả cho ông K tổng số tiền là 64.621.833 đồng (Trong đó có 50.000.000 đồng tiền gốc và 14.621.833 đồng tiền lãi).

Xét thấy: Hồi 12.11 thứ năm 21/9/2023, ông Hồ Văn K có chuyển vào số tài khoản 7979796868 mở tại Ngân hàng A (A1) số tiền là 50.000.000 đồng, mã giao dịch 4261790241, nội dung Hồ Văn K chuyển tiền, người thụ hưởng Phạm Thanh S, thời gian vay 02 tháng. Đến hạn, ông S không thanh toán cho ông K số tiền 50.000.000 đồng đã vay theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Vì vậy, ông K yêu cầu ông S hoàn trả cho ông K số tiền gốc 50.000.000 đồng đã nhận theo hình thức chuyển khoản ngày 21/9/2023 như trên là có căn cứ và được chấp nhận.

Về lãi suất: Tại phiên tòa, ông K yêu cầu ông S phải trả tiền lãi suất tương ứng với số tiền gốc đã vay, thời hạn tính lãi là từ ngày vay tiền (ngày 21/9/2023) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 28/8/2026) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 468 BLDS. Vì vậy, yêu cầu của này của ông Hồ Văn K là có căn cứ và được chấp nhận.

Mức lãi suất được tính cụ thể như sau: $50.000.000đ \times 0,83\% \times 35 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 14.621.833 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng gốc và lãi ông Phạm Thanh S phải trả cho ông Hồ Văn K là 64.621.833 đồng.

[2] Tòa án đã thực hiện việc giao nhận, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với ông Phạm Thanh S đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông S không nộp (gửi) văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông K và các tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn K như đã nhận định tại mục [1].

[3] Đại diện VKSND khu vực 10 - Đồng Nai đề nghị điều luật áp dụng và hướng giải quyết vụ án như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông K được chấp nhận nên bị đơn ông S phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn K.

Buộc ông Phạm Thanh S hoàn trả cho ông Hồ Văn K tổng số tiền là 64.621.833 đồng (Trong đó có 50.000.000 đồng tiền gốc và 14.621.833 đồng tiền lãi)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Thanh S phải chịu 3.231.091 đồng.

Ông Hồ Văn K không phải chịu, hoàn lại cho ông Hồ Văn K số tiền 1.789.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004250 ngày 03/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là thành phố Đ).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, bên phải thi hành chậm trả thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 34 và 36 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Quang Dũng